

NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI ĐÃ BỊ HUỖ TẠI NƯỚC GỐC THEO CÔNG ƯỚC NEW YORK 1958

VỀ CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

ThS. ĐẶNG HOÀNG OANH *

LTS: Về thực tiễn công nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài đã bị huỷ tại nước gốc theo Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài, Tạp chí luật học số 4/2004 đã đăng bài viết của ThS. Đặng Hoàng Oanh. Trong đó, sau khi giới thiệu vấn đề, tác giả đề cập một số án lệ quốc tế về công nhận và thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ tại nước gốc. Trong số này, Tạp chí luật học tiếp tục đăng bài viết về đề tài trên của tác giả theo các khía cạnh: Cơ sở pháp lý của việc thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ ở nước gốc; thống nhất hoá tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về huỷ quyết định trọng tài; việc công nhận quyết định trọng tài đã bị huỷ với quy định của pháp luật Việt Nam...

Tạp chí luật học xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc

1. Phân tích cơ sở pháp lý của việc thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ ở nước gốc⁽¹⁾

Không phải ngẫu nhiên mà toà án Pháp, toà án một số nước châu Âu cũng như toà án Mỹ cho phép thi hành trên lãnh thổ nước mình quyết định trọng tài đã bị huỷ ở nước nơi đã tuyên quyết định trọng tài. Có hai căn cứ pháp lý để toà án các nước được thi hành viện dẫn: 1) Về mặt quốc tế, đó là chính bản thân điều khoản của Công ước New York; 2) Về mặt quốc nội là quy định của pháp luật quốc gia về trọng tài.

Về mặt pháp luật quốc tế, ngay bản thân trong Công ước New York có 2 điều khoản là cơ sở để lập luận cho các quyết định của toà án Pháp và Mỹ. Đó là các điều V và VII. Điều V được hiểu rằng toà án các nước được thi hành được trao quyền tự do suy xét việc

cho hay không cho phép thi hành quyết định trọng tài nước ngoài trên lãnh thổ nước mình. Các nước thành viên cho rằng, các quy định tại Điều V của Công ước có thể được áp dụng một cách linh hoạt, tùy từng trường hợp cụ thể, vì nó tuyên rằng toà án nước thi hành “có thể” từ chối thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ chứ không là việc họ “phải” làm việc đó. Và như vậy, về lý thuyết, toà án của nước thi hành có thể áp dụng một trong ba sự lựa chọn: Không thi hành quyết định trọng tài (đơn giản vì nó đã bị huỷ), có cơ sở để không thi hành và có cơ sở để thi hành, trừ trường hợp quyết định trọng tài bị huỷ vì một số lý do nhất định. Ngoài ra, bản thân Công ước cũng cho phép áp dụng điều

* Vụ hợp tác quốc tế
Bộ tư pháp

khoản về quyền có lợi hơn (more favorable right provision) (Điều VII) mà theo đó, có thể lập luận rằng, quyết định trọng tài nước ngoài đã bị huỷ tại nước đã tuyên trọng tài cũng có thể được công nhận và thi hành ở một nước khác nếu như pháp luật nước này không quy định lí do huỷ trọng tài là cơ sở để từ chối việc thi hành. Điều này tuyên rằng: *“Các điều khoản của Công ước này không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương về việc công nhận và thi hành quyết định của trọng tài, mà các quốc gia thành viên Công ước này đã ký kết hoặc tham gia, và cũng không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi nào mà một bên hữu quan có thể có được từ quyết định của trọng tài theo cách thức và trong giới hạn mà pháp luật hoặc các điều ước quốc tế của nước được yêu cầu thi hành quyết định của trọng tài đó cho phép”*.

Về mặt quốc nội, năm 1981, toà án Pháp đã ban hành văn bản pháp luật quy định thuận lợi hơn cho việc không công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài bằng cách hạn chế những điều khoản từ chối thi hành. Điều 1502 của Bộ luật dân sự Pháp năm 1981 không chứa đựng quy định tại Điều V(1)(e) của Công ước New York, tức là điều khoản cho phép không công nhận và thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ tại nước gốc. Theo quy định của pháp luật Pháp,⁽²⁾ chỉ có 5 trường hợp toà án Pháp có thể dùng làm căn cứ để không thi hành quyết định trọng tài nước ngoài, đó là:

1) Nếu quyết định được tuyên không trên cơ sở của thoả thuận trọng tài hoặc

quyết định trọng tài bị vô hiệu hoặc đã hết hiệu lực;

2) Thành phần của trọng tài không đúng quy định hoặc trọng tài duy nhất được chỉ định không hợp lệ;

3) Nếu trọng tài viên vượt quá thẩm quyền xét xử mà các bên đã đề nghị;

4) Nếu thủ tục tố tụng trọng tài không được tôn trọng;

5) Nếu việc công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài vi phạm trật tự công cộng quốc tế.

Toà án tối cao Pháp, trong các vụ việc đã dẫn chứng ở trên, đều tuyên rằng các toà án Pháp có nghĩa vụ thi hành quyết định trọng tài nước ngoài hoặc quyết định trọng tài quốc tế (foreign or international awards) có yêu cầu thi hành tại Pháp bằng cách loại trừ việc áp dụng khoản V(1)(e) dựa trên cơ sở của điều khoản bắt buộc quy định về “quyền có lợi hơn” nêu tại Điều VII của Công ước New York.

Quyết định của toà án Pháp về vấn đề thi hành quyết định trọng tài nước ngoài đã bị huỷ này, tương đồng với quan điểm phi địa phương hoá (denationalized/or delocalized) các quyết định trọng tài.⁽³⁾ Lí lẽ mà toà án các nước được thi hành viện dẫn cho vấn đề này là ở chỗ quyết định trọng tài quốc tế không hoà nhập và không trở thành một bộ phận của hệ thống pháp luật quốc gia nơi tuyên quyết định đó và nó vẫn có hiệu lực kể cả khi đã bị huỷ tại nước gốc này. Nói cách khác, nó không thể bị bãi trừ sau khi bị huỷ. Những toà án này cho rằng không có lí khi buộc hiệu lực của quyết định trọng tài quốc tế phải phụ thuộc vào pháp luật của nước

gốc. Sự hiện diện về mặt vị trí cơ học không nên kéo theo một hệ quả pháp lý bất thường. Hiệu lực của quyết định trọng tài quốc tế, theo quan điểm phi địa phương hoá này, phụ thuộc vào quy định của pháp luật nhưng là pháp luật của nước thi hành quyết định đó, nhất là một khi điều này đã được quy định tại điều ước quốc tế, rằng nước thi hành có thể sử dụng chủ quyền tối cao của mình để phán quyết hiệu lực của quyết định trọng tài. Sẽ là bất thường khi cho rằng nước gốc vận hành siêu chủ quyền của mình để tước bỏ chủ quyền về quyền lực tư pháp của các nước thi hành quyết định trọng tài.

Tương tự như các lập luận của toà án Pháp trong 3 vụ việc nổi tiếng về thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ nêu trên, trong vụ Chromalloy, toà án Mỹ cũng đã tìm ra một loạt các văn bản pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ tại nước gốc là Ai Cập. Căn cứ vào Công ước New York, toà án Hoa Kỳ tuyên rằng họ “có thể toàn quyền xem xét tuyên bố việc thi hành”, có nghĩa là họ có thể cho phép hoặc không cho phép việc thi hành. Toà án Hoa Kỳ tuyên rằng bằng từ “có thể” (“may”), Công ước không ấn định việc từ chối thi hành - Điều V của Công ước chỉ đưa ra những cơ sở pháp lý để các toà án tự quyền xem xét. Liên quan đến Điều VII (1) về điều khoản có lợi hơn, toà án phân tích Luật liên bang về trọng tài năm 1994 và khẳng định rằng theo quy định của Luật này thì việc “... Toà án nước ngoài huỷ quyết định trọng tài không là cơ sở cho việc không thi hành nêu tại Chương 10 của Luật liên

bang về trọng tài”.⁽⁴⁾ Theo pháp luật Mỹ, quyết định trọng tài sẽ được thi hành trừ phi có các chứng cứ của việc gian lận, hối lộ, thiên vị, thành kiến, vi phạm về trình tự tố tụng hoặc khi trọng tài viên vượt quá thẩm quyền xét xử của mình, bao gồm cả việc bất chấp pháp luật một cách hiển nhiên (manifest disregard of the law). Căn cứ vào quy định tại Chương 10 của Luật liên bang về trọng tài thì cơ sở của việc huỷ quyết định trọng tài của toà án Ai Cập không phù hợp với pháp luật Mỹ.⁽⁵⁾ Việc lựa chọn không chính xác luật áp dụng không thể bị coi là “bất chấp pháp luật một cách hiển nhiên” được, vì vậy quyết định của toà án Ai Cập không thể được coi là có hiệu lực tại Mỹ. Và hậu quả pháp lý của nó là quyết định trọng tài nước ngoài, mặc dù đã bị huỷ, vẫn đương nhiên được thi hành tại Mỹ.

2. Thống nhất hoá tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về huỷ quyết định trọng tài

Như vậy, vấn đề đặt ra là liệu có cần thiết không khi vẫn quy định như hiện nay trong Công ước New York rằng việc huỷ quyết định trọng tài tại nước gốc là căn cứ để không công nhận và thi hành quyết định trọng tài? Có lẽ đã đến lúc cần phải xem xét lại điều khoản này. Thực ra nó đã không hợp lý, lỗi thời và dẫn đến trường hợp trọng tài quốc tế có thể bị tê liệt bởi sự can thiệp chính trị hoặc việc ưu tiên áp dụng những quy định pháp luật quốc nội không hợp lý. Hậu quả pháp lý rất có thể xảy ra là quyết định trọng tài có thể bị huỷ tại nước gốc căn cứ vào mọi điều khoản pháp luật quốc gia là cơ sở để huỷ, bao gồm cả lý do về trật tự

công cộng. Như vậy, những căn cứ để từ chối thi hành quyết định trọng tài có thể gián tiếp bị mở rộng, bao gồm mọi đặc thù riêng biệt của pháp luật quốc nội của nước gốc. Thử lấy một dẫn chứng, liệu một quyết định trọng tài được tuyên tại Ả-rập Xê-út liên quan đến vấn đề lợi nhuận (interest) và sau đó bị toà án nước này tuyên vô hiệu, dựa trên căn cứ rằng pháp luật quốc gia của họ không công nhận hình thức “lãi”,⁽⁶⁾ có thể bị lấy làm lí do để từ chối thi hành tại nước khác hay không? Đó là chưa kể đến một loạt các quy định rất không hợp lí trong pháp luật của một số nước khác vì lí do tôn giáo, tín ngưỡng hay chính trị... Tất cả những điều đó làm ảnh hưởng xấu đến mục đích hạn chế việc từ chối thi hành theo tinh thần của Công ước và cũng đương nhiên làm giảm tính đồng bộ, nhất quán trong việc áp dụng Công ước. Thực tế thi hành Công ước cho thấy, cũng rất có thể chấp nhận được việc loại bỏ lí do quyết định trọng tài đã bị huỷ tại nước gốc trong điều khoản quy định về căn cứ từ chối thi hành quyết định trọng tài. Đạo lí của vấn đề là ở chỗ, câu trả lời vị lợi cho việc đồng nhất từ chối thi hành quyết định trọng tài đã bị huỷ tại nước gốc, bất chấp những công bằng và có lí của việc huỷ này, có thể sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của rất nhiều người. Trên bình diện chính trị quốc tế, cũng như trong thương mại, những quan tâm về mặt công lí hay công bằng luôn cạnh tranh và thông thường là chiếm ưu thế hơn những gì vị lợi, giáo điều hoặc lí thuyết.

Như vậy, rõ ràng là thực tiễn công nhận và thi hành quyết định trọng tài bị huỷ tại nước gốc, trọng những trường hợp đã phân

tích ở trên, có thể được coi là bước tiến bộ để thúc đẩy trọng tài ngày càng là phương thức hữu hiệu nhất để giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế. Tuy nhiên, việc sửa đổi một công ước quốc tế nhằm đạt được sự nhất quán của hầu hết các quốc gia với vấn đề có tính chất nhạy cảm không đơn giản. Ngoài ra, việc đi ngược lại hoàn toàn những gì có tính chất lịch sử, kinh điển, truyền thống của quyết định trọng tài cũng không hẳn là dễ được chấp nhận. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải làm thế nào để tìm được phương cách dung hoà giữa một bên là tính bảo thủ quá mức của Điều V(1)(e) với bên kia là chủ nghĩa tự do nổi trội, bao trùm trong pháp luật quốc gia về trọng tài như của Pháp đã phân tích ở trên. Việc tìm ra giải pháp trung gian đó phải tính đến và đặt trong tổng thể xu thế đang nổi lên hiện nay là hạn chế sự can thiệp của toà án quốc gia đối với trọng tài quốc tế như đang được quy định trong pháp luật một số nước cũng như thực tiễn nổi bật trong việc soạn thảo và thi hành điều khoản về huỷ quyết định trọng tài trong Công ước Geneva 1961 về trọng tài quốc tế (theo quy định của Điều IX và một số điều tiếp đó, liên quan đến việc huỷ quyết định trọng tài như đã nêu tại Điều V(1)(e) của Công ước New York, lí do về trật tự công cộng và tính “có thể của trọng tài” (arbitrability) sẽ không là cơ sở để từ chối thi hành quyết định trọng tài trên nước khác).

Giải pháp được đề xuất (đặt trong tổng thể xu hướng nhất thể hoá pháp luật trọng tài) là cần phải thống nhất về cách hiểu, giải thích và áp dụng quy định của Công ước New York về nội hàm huỷ quyết định trọng

tài theo hướng cần phân biệt quyết định trọng tài trong nước bị tuyên vô hiệu dựa trên các tiêu chuẩn quốc gia về huỷ quyết định trọng tài và quyết định trọng tài quốc tế bị tuyên vô hiệu dựa trên tiêu chuẩn quốc tế về huỷ quyết định trọng tài.

Việc nhất thể hoá pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế cần tạo thuận lợi nhiều nhất cho quá trình thi hành quyết định trọng tài, trừ trường hợp có những vi phạm có tính chất nền tảng về mặt thủ tục hoặc nội dung. Theo quan niệm của nhiều quốc gia, những trường hợp vi phạm có tính chất nền tảng về mặt thủ tục, là khi bên phải thi hành không được đáp ứng những tiêu chuẩn tối thiểu về mặt thủ tục tố tụng tư pháp đã được chấp nhận trên bình diện quốc tế; khi có cơ sở để thấy rõ ràng thủ tục không phù hợp đang áp dụng để giải quyết vụ việc bằng trọng tài có thể dẫn đến sự khác biệt về mặt nội dung. Những vi phạm có tính chất cơ bản về mặt nội dung cho việc thi hành, đó là trường hợp những nền tảng cho sự sống còn của nước được thi hành sẽ bị ảnh hưởng nếu như tại nước họ quyết định trọng tài nước ngoài được thi hành.

Cụ thể hoá những tiêu chuẩn quốc tế về huỷ quyết định trọng tài thì đó là những chuẩn mực cần thiết về mặt thủ tục cho việc công nhận và thi hành. Đó cũng chính là những cơ sở pháp lý đã được liệt kê trong các khoản a-d của Điều V(1) trong Công ước New York, đó là vấn đề thoả thuận trọng tài vô hiệu; các bên tranh chấp không thực hiện đầy đủ được quyền tố tụng của mình; nội dung quyết định trọng tài không được các bên yêu cầu giải quyết hoặc vượt

quá đề nghị của các bên; thành phần, thủ tục trọng tài không phù hợp. Tất cả những gì còn lại trong Điều V này (điểm e khoản 1 và toàn bộ khoản 2) sẽ được coi là “tiêu chuẩn quốc gia về huỷ quyết định trọng tài” chỉ có thể được áp dụng với quyết định trọng tài trong nước và có hiệu lực riêng đối với quốc gia đó. Nói một cách khác, quyết định trọng tài bị huỷ dựa trên các tiêu chí quốc gia sẽ không có hiệu lực ngoài lãnh thổ nước đã tuyên quyết định trọng tài.

Những tiêu chuẩn quốc tế về huỷ quyết định trọng tài đặc biệt phải được hiểu và áp dụng thống nhất theo các chuẩn mực quốc tế đã được công nhận. Hiện tại, rõ ràng là các thiết chế thi hành quyết định trọng tài thường áp dụng những cách giải thích riêng biệt, tùy tiện và cả khác thường, những lí do để từ chối thi hành. Họ đương nhiên cũng thường xuyên bị chi phối bởi những quy định có tính chất đặc thù của pháp luật quốc gia khi giải quyết từng vụ việc cụ thể. Nếu những điều khoản này được quy định chi tiết và rõ ràng bao nhiêu trong pháp luật trọng tài của các nước thì sẽ thuận lợi bấy nhiêu cho trọng tài quốc tế khi xét xử, bởi họ có thể hạn chế thấp nhất được việc bị từ chối thi hành một khi biết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về mặt thủ tục của quốc gia thi hành quyết định trọng tài nước ngoài. Dựa cơ bản vào ngôn ngữ có tính chất được hiểu tùy tiện (discretionary) của Công ước New York, có thể khẳng định rằng, không có trở ngại pháp lý nào cho việc thi hành quyết định trọng tài bất chấp việc nó đã bị huỷ theo tiêu chuẩn quốc gia. Vì vậy, vấn đề không phải là có thể thi hành

quyết định trọng tài đã bị huỷ hay không mà là có thi hành hay không và lúc nào thì sáng suốt để làm việc đó.

Phương án từ chối công nhận hiệu lực quốc tế của quyết định trọng tài đã bị huỷ theo tiêu chuẩn quốc gia thực sự là cuộc “cách mạng”, bởi lẽ nó là kết quả của việc công kích vào uy quyền tối cao của nước có trọng tài xét xử. Án lệ từ vụ Chromalloy là một điển hình trong việc chỉ ra ranh giới giữa quyết định trọng tài bị huỷ tại nước gốc căn cứ vào những chuẩn mực quốc nội về huỷ trọng tài và quyết định trọng tài bị huỷ dựa trên những tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận. Chương I Luật trọng tài Liên bang Mỹ về cơ bản đã liệt kê tất cả những cơ sở được quốc tế công nhận để từ chối thi hành quyết định trọng tài đã nêu tại Công ước New York (đương nhiên là loại trừ lí do huỷ quyết định trọng tài tại nước gốc). Nếu như toà án Ai Cập huỷ quyết định trọng tài dựa trên một trong những căn cứ đó thì Chromalloy đã không có thể áp dụng điều khoản có lợi hơn trong pháp luật quốc gia và như vậy quyết định này đã có thể không được thi hành tại Mỹ và các nước khác. Như vậy, ở Mỹ, trọng tài nước ngoài bị huỷ theo tiêu chuẩn quốc gia vẫn giữ nguyên hiệu lực, trong khi bị huỷ dựa trên tiêu chí quốc tế thì lại không. Điều này thúc đẩy sự thống nhất và tính dự đoán trước về mặt quốc tế của pháp luật trọng tài. Cuộc cách mạng về trọng tài này cũng đã được khởi đầu bằng Công ước Geneva 1961 về trọng tài quốc tế. Như đã nhắc ở trên, Điều IX của Công ước này quy định rằng quyết

định trọng tài bị huỷ vì lí do vi phạm trật tự công cộng hoặc ngoài phạm vi thẩm quyền xét xử bằng trọng tài sẽ không là cơ sở của việc từ chối thi hành tại nước ngoài. Tính ưu việt của phương án trên của Công ước 1961 là ở chỗ, nó loại trừ mọi khả năng đồng nhất những quy định đặc thù về huỷ quyết định trọng tài của nước có trọng tài thành các quy định từ chối thi hành của Công ước. Cuộc cách mạng về hạn chế những quy định về huỷ quyết định trọng tài cũng được tiến hành ở một loạt các nước châu Âu khác như Bỉ (Luật trọng tài của Bỉ tháng 3 năm 1985), Thụy Sĩ, Thụy Điển (Luật tư pháp quốc tế năm 1987), Luxemburg... Học giả Frank Bernd Weigand còn khẳng định một cách hơi cực đoan rằng, “*thực chất đang có một xu hướng hiện nay là hạn chế việc xem xét tư pháp và tiến tới lúc các bên có thể loại trừ hoàn toàn mọi sự can thiệp của toà án vào chế định huỷ trọng tài. Luật quốc gia sẽ được sửa đổi lại, đảm bảo tính thống nhất và toà án cần phải tuân theo vụ kiện bằng cách phê chuẩn quyết định trọng tài, trừ những trường hợp vô cùng đặc biệt.*”⁽⁷⁾

3. Việc công nhận quyết định trọng tài đã bị huỷ với quy định của pháp luật Việt Nam⁽⁸⁾

Ngược hẳn với ngôn ngữ thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt trong việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài đã bị huỷ của Công ước New York (Điều V) thì pháp luật Việt Nam lại quy định một cách cứng nhắc chế định này. Chữ “có thể” của Điều V Công ước New York được

chuyên hoá vào pháp luật Việt Nam tại Điều 16 Pháp lệnh công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài năm 1995 (sau đây gọi là Pháp lệnh 1995) thành “không” (“shall not”). Quy định này làm hạn chế quyền của toà án Việt Nam trong việc xem xét công nhận và cho thi hành các quyết định trọng tài đã bị huỷ tại nước gốc, ngay cả khi căn cứ để huỷ quyết định đó rõ ràng là không xác đáng.⁽⁹⁾ Thử lấy ví dụ, tranh chấp xảy ra giữa một công ty nước ngoài và một doanh nghiệp Việt Nam đã được giải quyết bằng trọng tài nước ngoài, theo hướng có lợi cho phía Việt Nam. Doanh nghiệp của ta đề nghị toà án Việt Nam công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài ở nước mình (Việt Nam) do tài sản của bên phải thi hành đang có tại đây. Giả sử trong trường hợp này, bên phải thi hành (công ty nước ngoài) đã lợi dụng những quy định đặc thù về tôn giáo trong pháp luật nước họ về huỷ quyết định trọng tài, đề nghị và được toà án nước ngoài huỷ quyết định trọng tài đã được tuyên đó. Liệu toà án Việt Nam trong trường hợp này có áp dụng án lệ của toà án Pháp, Mỹ hay các nước khác (như đã phân tích và dẫn chứng trong các án lệ nổi tiếng ở trên) để xem xét tính công bằng, hợp lí của việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định trọng tài đã bị huỷ tại nước gốc nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp Việt Nam hay không? Chắc chắn là sẽ rất khó nếu như không nói là không thể, khi toà án Việt Nam vẫn hiểu và áp dụng một cách cứng nhắc các quy định của Công

ước thông qua quy định tại Điều 16 của Pháp lệnh năm 1995. Thêm nữa, Điều VII của Công ước New York, lẽ ra là có thể viện dẫn như điều khoản lợi thế để áp dụng những quy định của pháp luật Việt Nam có lợi hơn cho doanh nghiệp của ta - bên được thi hành thì rất tiếc nó lại bị trói chân hay nói cách khác, bị vô hiệu hoá, bởi lẽ, các quy định của pháp luật Việt Nam về huỷ quyết định trọng tài vẫn khắt khe và cứng nhắc hơn nhiều quy định của các nước, cũng như các điều ước quốc tế như đã phân tích ở trên. Vì vậy, cần phải sửa đổi lại ngôn ngữ của Điều 16 Pháp lệnh năm 1995 cho phù hợp với tinh thần Điều V của Công ước New York, bằng cách đổi từ “không” (shall not) bằng chữ “có thể” (may). Việc thay đổi một từ này có thể mang lại khả năng công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định trọng tài nước ngoài đã bị huỷ ở nước gốc. Ngoài ra, các căn cứ pháp lí để từ chối công nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài quy định tại Điều 16 Pháp lệnh năm 1995, thiết nghĩ, cũng cần được xem xét lại theo hướng đáp ứng tinh thần của Công ước New York, các điều ước quốc tế khác về trọng tài (ví dụ như Công ước Geneva năm 1961) cũng như pháp luật các nước, là tạo thuận lợi nhiều nhất cho việc thi hành quyết định trọng tài nước ngoài.⁽¹⁰⁾

Tại thời điểm hiện tại, khi mà chúng ta đã bước sang thế kỷ XXI, những tiến bộ và phát triển của trọng tài quốc tế tất yếu sẽ đòi hỏi sửa đổi, hay ít nhất là một sự giải thích rõ ràng những khía cạnh nhất định của Công ước nhằm đạt được sự hoà hợp, thống

nhất về cách hiểu và áp dụng những cơ sở của việc từ chối thi hành quyết định trọng tài nước ngoài. Trong khi chưa tiến hành sửa đổi hoặc chưa có được nghị định thư bổ sung cho Công ước New York thì việc hài hoà hoá cách giải thích Công ước dựa trên các án lệ quốc tế đã được thông qua để có được tiêu chí áp dụng chung, đảm bảo những tiến bộ của trọng tài quốc tế là rất cần thiết. Ngoài ra, trong tiến trình toàn cầu hoá hiện nay thì mọi sửa đổi pháp luật trọng tài dù lớn hay nhỏ đều cần phải được thực hiện ở tầm quốc tế. Chỉ bằng cách đó thì những mục đích lớn lao của Công ước là tạo ra sự đảm bảo cho tính ổn định và an toàn của các giao dịch thương mại quốc tế mới được thúc đẩy. Mọi nỗ lực đơn phương của một quốc gia trong việc thúc đẩy trọng tài trong nước bằng cách ban hành những quy định tương chừng như hấp dẫn trong pháp luật nước mình mà không tính đến việc hoà hợp nó với các thiết chế toàn cầu sẽ không hiệu quả. Trái lại, nó có thể tạo nên những xung đột trong các quy định về trọng tài quốc tế, làm vô hiệu dần tính thống nhất của phương thức trọng tài vốn đã và đang được coi là biện pháp ưa chuộng nhất để giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế./.

- (1).Xem: Đặng Hoàng Oanh, "Công ước New York năm 1958 về Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài: Thử tìm một cơ chế thích hợp cho Việt Nam" - Luận văn thạc sỹ Khoa sau đại học luật, Đại học tổng hợp Nagoya, Nhật bản, lưu tại thư viện Đại học tổng hợp Nagoya, Nhật bản, tr. 56 - 69.
 (2).Xem: Điều 1502 Bộ Luật dân sự Pháp năm 1981

(3).Về thuyết "Phi địa phương hoá" quyết định trọng tài, xem thêm A. Shindler, *Arbitration Still Bound*, 102 L. Q. REV. (1986); A.B. Avenessian, *The NYC and Denationalized Arbitral Awards (with emphasis on the Iran - United State Claims Tribunal)*, 8 (1) J.INT'LARB. 5 (1991); S. Ward-Atterbury, *Enforcement of A- National Arbitral Awards Under the NYC of 1958*, 32 VA. J. INT'L L. (1992), OKENZIE CHUKWUMERIJE, CHOICE OF LAW IN INTERNATIONAL COMMERCIAL ARBITRATION 89 (1994).

(4).Xem: Sách đã dẫn 6, Quyết định của toà án Hoa Kỳ tại (U.S District Court, Distric of Columbia) ngày 31 tháng 7 năm 1996: Civil No. 94-2339 (JLG), 939 Fed.Supp. (D.D.C.1996), at 907 et seq.; 11 Mealey's international arbitration report (1996, no. 8), C-54 et seq; YEARBOOK COMM. ARB'N XXII (1997), tr. 691, 1001.

(5).Xem: Gary H. Sampliner, *Enforcement of Nullified FAA: Chromalloy Revisited*, 14(3) J. INT'L ARB. 144, discussing Chapter 1 of the Federal Arbitration Act, 9U.S.C, Sections 1-15. (1997

(6).Xem: Luật Hồi giáo không công nhận hình thức thu lãi, xem điều đó là vi phạm trật tự công cộng quốc gia.

(7).Xem: Frank - Bernd Weigand, *Evading EC Competition Law by Resorting to Arbitration?*, 9 ARB. INTN'L 249, 254 (1993).

(8).Xem: Đặng Hoàng Oanh, "Vietnamese Regime on Recognition and enforcement of foreign arbitral awards - Pháp luật Việt Nam về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài" Tạp chí Griffin's View về Luật quốc tế và so sánh của Hà Lan (Amsterdam), Tháng 2/2003.

(9).Xem: Đặng Hoàng Oanh, "Công ước New York năm 1958 về Công nhận và thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài: thử tìm một cơ chế thích hợp cho Việt Nam" - Luận văn thạc sỹ Khoa sau đại học luật, Đại học tổng hợp Nagoya, Nhật bản, lưu tại thư viện Đại học tổng hợp Nagoya, Nhật bản tr. 143

(10).Xem: Đặng Hoàng Oanh, Sđd, tr.143;

Đặng Hoàng Oanh, "Pháp luật Việt Nam về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài", Tạp chí Griffins View về Luật quốc tế và so sánh của Hà Lan (Amsterdam), tháng 2/2003.